TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HS-ST
Ngày: 23/3/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh – Cán bộ hưu trí huyện Tam Bình.

2. Ông Nguyễn Hiếu Nhân – Phó trưởng Phòng giáo dục và đào tạo huyện Tam Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Kim Huyền – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2018/TLST-HS ngày 25 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 02 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Minh N, sinh ngày 30/8/2001 tại xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Ấp P, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Minh T và bà Nguyễn Thị C; anh em ruột có 02 người (lớn sinh năm 1997, nhỏ là bị cáo);

Tiền án: Không, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo là: ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1974 (có mặt)

Nơi đăng ký HKTT: Ấp P, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo là: Luật sư Võ Tuấn V, Luật sư thành viên Văn phòng luật sư H – Chi nhánh số 1, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

Địa chỉ: Số Z ấp T, xã T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

2. Họ và tên: Nguyễn Thị C, sinh năm 1972 tại xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Ấp P, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị N (chết); có chồng là ông Nguyễn Minh T và 02 con (lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 2001); anh chị em ruột có 09 người (lớn nhất sinh năm 1960, nhỏ nhất sinh năm 1978);

Tiền án: Không, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:*

1. Ông Võ Văn Đ, sinh năm 1960 (có mặt)

2. Bà Huỳnh Thị C, sinh năm 1958 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 9/2017 bị cáo N và ông Nguyễn Minh T (cha ruột của N) có đến ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long làm công nhân xây dựng nhà cho ông Võ Văn Đ và vợ là Huỳnh Thị C. Trong thời gian làm công, bị cáo N nhìn thấy ông Đ cất giữ tiền trong túi xách, bỏ vào trong tủ kiếng khóa lại.

Vào khoảng 08 giờ 30 phút ngày 27/11/2017, lợi dụng lúc ông Võ Văn Đ rời khỏi nhà, bà Huỳnh Thị C ở phía sau nhà giữ cháu; quan sát xung quanh không có ai, Na nảy sinh ý định lấy trộm tiền của ông Đ để tiêu xài cá nhân. Bị cáo N đến gần bên tủ cây, lén lút dùng tay trái ấn mạnh ngay ổ khóa tủ rồi đẩy cánh cửa tủ sang bên phải. N đưa tay vào túi xách lấy được một cọc tiền đem giấu vào phía trong áo sau đó đi về nhà tại ấp P, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Khi về đến nhà N lấy tiền vừa trộm được ra kiểm tra là 33.000.000 đồng, N giữ lại 3.000.000 đồng mục đích để tiêu xài cá nhân, còn lại 30.000.000 đồng N đưa cho mẹ ruột là bị cáo Nguyễn Thị C cất giữ. Khi nhận tiền bị cáo C hỏi bị cáo N tiền từ đâu có thì N cho bị cáo C biết đây là số tiền N trộm được từ nhà của ông Võ Văn Đ. Bị cáo C nhận và đếm đủ số tiền 30.000.000 đồng và đưa lại cho N 5.000.000 đồng nói là sẽ dẫn N đi mua 01 (một) chiếc nhẫn. N nhận số tiền 5.000.000 đồng bị cáo C đưa và 3.000.000 đồng N giữ trước đó đem cất giấu vào trong chiếc giày của N, để trong nhà.

Sau khi có được tiền, cùng ngày 27/11/2017 bị cáo C đến tiệm vàng T thuộc xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long chuộc lại số tài sản là vàng đã cầm trước đó với tổng số tiền chuộc là 10.700.000 đồng và đến tiệm vàng T thuộc ấp Z, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long chuộc lại số tài sản đã cầm trước đó với tổng số tiền chuộc là 5.440.000 đồng.

Ngày 29/11/2017 bà C trả tiền nợ vay cho bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1970 ngụ ấp P, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, số tiền 4.060.000 đồng và giao tiền hụi tháng cho bà Trần Ngọc T, sinh năm 1976 ngụ ấp P, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, số tiền 8.700.000 đồng; trong đó có 4.800.000 đồng là tiền N trộm được giao lại cho bà C, số tiền còn lại 3.900.000 đồng do bị cáo C gom hụi từ các hụi viên.

Đến khoảng 16 giờ 30 phút ngày 28/11/2017 ông Võ Văn Đ phát hiện bị mất trộm tài sản nên trình báo đến Công an xã T.

Trong quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Minh N, Nguyễn Thị C đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, khắc phục hậu quả.

Vật chứng thu giữ gồm: Số tiền mặt 8.000.000 đồng; 01 (một) đôi giày có đế màu trắng, thân giày màu đen, phía ngoài bên phải thân giày có hình tròn, hình ngôi sao ở giữa hình tròn, trong hình tròn có dòng chữ JINSAIKE FASHION SPORT 1985. Ngày 30/11/2017 và ngày 04/12/2017 bị cáo Chính đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra tổng số tiền 25.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại ông Võ Văn Đ và bà Huỳnh Thị C đã nhận lại đủ số tiền 33.000.000 đồng. Ông Đ, bà C không yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự.

Đôi giày có đế màu trắng, đã thu giữ, quá trình điều tra đã chứng minh đây không phải là vật chứng của vụ án nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại cho Nguyễn Minh N theo quyết định xử lý vật chứng ngày 22/01/2018.

Bản cáo trạng số: 02/CT-VKS ngày 24/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình đã truy tố bị cáo Nguyễn Minh N về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14, truy tố bị cáo Nguyễn Thị C về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 250 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Kiểm sát viên nêu quan điểm giải quyết vụ án: Xét bị cáo Na có sức khỏe có thể làm ra của cải để nuôi sống bản thân, phụ giúp gia đình nhưng bị cáo lười lao động, mà muốn dựa vào sức lao động của người khác để chiếm đoạt tài sản sử dụng vào mục đích cá nhân. Từ trước đến nay bị cáo luôn chấp hành tốt pháp luật tại địa phương nhưng chỉ vì lòng tham bị cáo không kiềm chế được bản thân thể hiện ở chỗ bị cáo lấy trộm số tiền của bị hại xong khi đưa lại số tiền cho bị cáo C, bị cáo N vẫn còn giữ lại 3.000.000 đồng mục đích sử dụng vào nhu cầu cá nhân. Bị cáo biết rõ, lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật mà bị cáo bất chấp tất cả để phạm tội. Hành vi của bị cáo đã làm ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương.

Đối với bị cáo C, là mẹ bị cáo N khi biết rõ về nguồn gốc số tiền 30.000.000 đồng do bị cáo N trộm cắp từ gia đình bị hại lẽ ra bị cáo là người

trưởng thành, là mẹ của bị cáo N, bị cáo C nên răn đe, giáo dục con mình hiểu những lẽ đúng, sai trong xã hội, giáo dục bị cáo N biết việc lấy trộm tài sản của người khác như vậy là không đúng nhưng bị cáo C đã sử dụng tiền vào mục đích tiêu xài cá nhân; thêm vào đó bị cáo đưa lại cho N 5.000.000 đồng nói sẽ đi mua nhẫn cho bị cáo N. Từ đó cho thấy bị cáo chỉ muốn thụ hưởng thành quả lao động của người khác chứ không tự mình làm ra của cải vật chất, ý thức của bị cáo coi thường pháp luật.

Tuy nhiên, xét về nhân thân các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, trước nay các bị cáo đều chấp hành tốt các quy định của pháp luật, lúc thực hiện hành vi tội phạm bị cáo Nguyễn Minh N chưa đủ 18 tuổi; trong quá trình điều tra, truy tố cho đến tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, vì vậy cũng nên xem xét cho bị cáo được hưởng những tình tiết giảm nhẹ theo qui định của pháp luật nhằm thể hiện tính nhân đạo của pháp luật đối với những người phạm tội biết ăn năn hối cải được quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14. Và tại phiên tòa hôm nay bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo.

Từ những phân tích trên, kiểm sát viên đề nghị: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh N phạm tội "Trộm cắp tài sản", bị cáo Nguyễn Thị C phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 90, Điều 91, Điều 100 Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 đề nghị xử phạt bị cáo N mức án từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

Áp dụng khoản 1 Điều 250 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội quy định áp dụng các tình tiết có lợi cho bị can, bị cáo đề nghị xử phạt bị cáo C mức án từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo do bị cáo không có thu nhập ổn định.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Đ, bà C đã nhận đủ số tiền 33.000.000 đồng, không còn yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Ngày 23/01/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Tam Bình đã trả lại cho bị cáo Nguyễn Minh N 01 (một) đôi giày có đế màu

trắng, thân giày màu đen, phía bên ngoài thân phải thân giày có hình tròn, hình ngôi sao ở giữa hình tròn, trong hình tròn có dòng chữ JINSAIKE FASHION SPORT 1985.

Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo N, C mỗi bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

- Luật sư Võ Tuấn V bào chữa cho bị cáo Nguyễn Minh Na trình bày quan điểm bảo vệ: Luật sư thống nhất quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Kiến nghị Hội đồng xét xử chiếu cố cho bị cáo mức hình phạt phù hợp, giảm nhẹ hợp lý để tạo điều kiện cho bị cáo sửa chữa sai phạm của mình để trở thành người tốt. Bị cáo N phạm tội trong lứa tuổi vị thành niên, còn quá trẻ, trình độ học vấn còn thấp 8/12. Bị cáo chưa nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình nên bị truy tố hôm nay. Bị cáo hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, thu nhập bấp bênh, phải bỏ học từ sớm để phụ cha làm hồ và kiếm tiền phụ mẹ lo cho anh trai học đại học. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất, đủ để cải tạo bị cáo N hơn là răn đe nhằm tạo điều kiện cho bị cáo sớm làm lại cuộc đời.

Lời nói sau cùng của các bị cáo:

- Bị cáo Nguyễn Minh N nói lời sau cùng: Kính thưa Hội đồng xét xử, do bị cáo suy nghĩ kém, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ để bị cáo sớm về với cha mẹ.

- Bị cáo Nguyễn Thị C nói lời sau cùng: Do bị cáo không biết pháp luật, nay bị cáo ăn năn hối cải xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu được và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa thể hiện: Vào khoảng 08 giờ ngày 27/11/2017 tại nhà ông Võ Văn Đ, bị cáo N đã lén lút lấy trộm số tiền 33.000.000 đồng. Sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tiền của ông Đ, bị cáo N đem về nhà đưa cho mẹ ruột là bị cáo C cất giữ số tiền 30.000.000 đồng, còn lại 3.000.000 đồng N cất giữ để tiêu xài cá nhân.

Khi nhận số tiền 30.000.000 đồng từ bị cáo N, bị cáo C biết rõ đây là tiền do N phạm tội mà có nhưng vẫn đem tiền đi tiêu thụ hết vào mục đích cá nhân: cho bị cáo N 5.000.000 đồng, chuộc vàng đã cầm ở tiệm vàng với tổng số tiền

16.140.000 đồng; trả tiền nợ vay 4.060.000 đồng; giao hụi số tiền 4.800.000 đồng.

Hành vi của bị cáo N do vậy đã phạm vào tội "*Trộm cắp tài sản*" được quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 và hành vi của bị cáo C đã phạm vào tội "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*" được quy định tại khoản 1 Điều 250 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình truy tố các bị cáo với tội danh như trong Cáo trạng và lời luận tội của vị Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa sơ thẩm là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan cho bị cáo.

[2] Xét hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật làm mất trật tự trị an ở địa phương. Các bị cáo là người có sức khỏe nhưng thích sống hưởng thụ, lười lao động, dẫn đến con đường phạm tội. Bị cáo N nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là trái pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện và mong muốn chiếm đoạt tài sản của người khác, bằng thủ đoạn lén lút, với lỗi cố ý trực tiếp và tội phạm đã hoàn thành nên cần phải có một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, để có đủ thời gian giáo dục và cải tạo bị cáo trở thành người công dân tốt, cũng nhằm răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội. Hành vi của bị cáo C, mặc dù biết rõ tài sản do bị cáo Na trộm cắp của người khác mà có, lẽ ra bị cáo phải khuyên ngăn con mình nhưng vì vụ lợi, bị cáo đồng ý nhận số tiền trộm được để tiêu xài mục đích cá nhân.

[3] Tuy nhiên, khi phạm tội bị cáo N còn ở lứa tuổi chưa thành niên nên cần áp dụng các Điều luật tương ứng của chương X về những quy định đối với người chưa thành niên phạm tội. Về nhân thân các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; sau khi phạm tội đã tự nguyện bồi thường thiệt hại; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, g, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, chấp hành tốt quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng nên không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần giao cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ răn đe, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Ngày 23/01/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện T đã trả lại cho bị cáo Nguyễn Minh N 01 (một) đôi giày có đế màu trắng, thân giày màu đen, phía bên ngoài thân phải thân giày có hình tròn, hình ngôi sao ở giữa hình tròn, trong hình tròn có dòng chữ JINSAIKE FASHION SPORT 1985.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận đủ tiền bồi thường và không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Xét cần chấp nhận lời bào chữa của Luật sư Võ Tuấn V đối với bị cáo Nguyễn Minh N.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo N, C mỗi bị cáo phải nộp số tiền 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 138; các điểm b, g, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; các điều 31, 69, 73 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh N phạm tội "Trộm cắp tài sản". Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ và giao bị cáo Nguyễn Minh N cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long giám sát, giáo dục bị cáo. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính kể từ ngày giao quyết định thi hành án và bản sao Bản án cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 250; các điểm b, g, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Chính phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị C 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm. Thời gian thử thách được tính từ ngày tuyên án (23/3/2018). Giao bị cáo Nguyễn Thị C cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

3. Về xử lý vật chứng: Đã xử lý xong.

4. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận đủ tiền bồi thường và không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Nguyễn Minh N, Nguyễn Thị C mỗi bị cáo phải nộp số tiền 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với những người tham gia tố tụng khác vắng mặt

tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo là 15 (*mười lăm*) ngày được tính kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- CQĐT Công an huyện Tam Bình;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Sở tư pháp;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thanh Hùng